

Ngày 14/6/2024

Về “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, đòi lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bàn giao tài sản là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường .

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Lê Tụ và ông Trần Quốc Cường

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phan Nguyễn Thanh Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, đòi lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bàn giao tài sản là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ B, khối P, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Phương L, sinh năm 1977, địa chỉ: số E T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Văn phòng C, địa chỉ: số B L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1991;
- Bà Tạ Thị Thu H2, sinh năm 1992;
- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Tổ B, khối P, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Vào ngày 24/12 âm lịch năm 2021 (ngày dương 27/01/2022), ông Nguyễn Đức H1 đến tìm ông H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) với lý do là dùng để thế chấp vay ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay tiền để sang quán nhậu nên ông H đồng ý cho ông H1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 29/01/2022, ông H1 đến tìm ông H và nói đến Văn phòng công chứng để ký giúp ông H1 vay tiền tại ngân hàng. Tại Văn phòng C có 3 người gồm: Ông H, ông H1 và một người công chứng, người công chứng không giải thích gì chỉ nói ông H đọc lại và ký nhưng ông H không nói với họ là ông không biết chữ, ông H không biết ký nội dung gì nhưng vẫn ký tên, điểm chỉ và ông H1 đọc đánh vần cho ông H ghi chữ. Khoảng tháng 4/2022, bà Trần Thị Phương L đến đòi nhà và yêu cầu ông H làm thủ tục chuyển nhượng thì ông H và gia đình mới biết đã ký vào Hợp đồng chuyển nhượng và ký vào “Giấy cam kết” lập cùng ngày 29/01/2022, trong giấy có dòng nội dung do ông H ghi “tôi chịu trách nhiệm về giấy tờ thủ tục về pháp lý sang tên” và “ký, ghi tên Nguyễn Đức H”.

Ông H cũng không biết bà L, giữa ông H và bà L chưa có bất kỳ thỏa thuận nào, ông không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà L, vì tin tưởng cháu (ông H1) nên ông H không biết mình ký vào Hợp đồng chuyển nhượng và giấy cam kết. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị Phương L vào ngày 29/01/2022, số công chứng 00149, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, diện tích 84,2 m²; địa chỉ thửa đất: Tổ 20, khối E (P), phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là vô hiệu và yêu cầu bà L trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 655665 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 17/12/2008, số vào sổ cấp GCN: H06676.

Giá trị chuyển nhượng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), theo như Hợp đồng chuyển nhượng ngày 29/01/2022 có số công chứng 00149, quyển số 01/2022 TP/CC- SCC/HĐGD thì bản thân ông H không nhận số tiền này. Nếu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vô hiệu thì ông H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, vì trong giao dịch này ông H không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà L.

Bị đơn là bà Trần Thị Phương L trình bày:

Bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng ông

Nguyễn Đức H1 có hỏi vay bà L một số tiền nhưng bà L không đồng ý vì ông H1 không có tài sản đảm bảo cho khoản vay. Sau đó, ông H1 và ông H có đến gặp bà L, đề nghị cho ông H vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Bà L thấy ông H là người uy tín lại có tài sản nên đã đồng ý cho ông H vay tiền. Ông H và bà L cũng đã thỏa thuận với nhau là ông H sẽ chuyển nhượng ngôi nhà và thửa đất số 07, tờ bản đồ số 03, diện tích 84,2m² tại tổ B khối E (nay là khối P), phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho bà L. Đến ngày 29/01/2022, bà L và ông Nguyễn Đức H đã đến Văn phòng C ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Cùng ngày, bà L, ông H và ông H1 đã lập Giấy cam kết như sau: *“Tôi tên là Nguyễn Đức H, sinh năm 01/12/1973. Thường trú tại: K Sơn Phong H. Có mượn của bà: Trần Thị Phương L, với số tiền là: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng y). Thời gian cho mượn trong vòng 30 ngày, nếu 30 ngày ông Nguyễn Đức H không trả lại số tiền nêu trên thì ông Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Đức H3 phải chịu trách nhiệm làm lại sổ hồng mới để sang tên chuyển nhượng cho bà Trần Thị Phương L. Giấy cam kết này kèm theo hợp đồng chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức H chuyển nhượng cho bà Trần Thị Phương L. Hồ sơ chuyển nhượng số: 149 tại VPCC Phạm Diễm. Hồ sơ chuyển nhượng này để làm bằng chứng đối ứng nếu 30 ngày sau không trả tiền nêu trên thì lô đất gồm nhà cấp 4 hồ sơ chuyển nhượng nêu trên sang tên cho bà Trần Thị Phương L và tài sản nêu trên thuộc về bà Phương L”*. Ông H và ông H3 cũng đã ký xác nhận bên dưới Giấy cam kết, bà Trần Thị Phương L cho rằng việc giao dịch mua bán giữa bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp.

Bà Trần Thị Phương L đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 655665 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 17/12/2008, số vào sổ cấp GCN số: H06676.

Giá trị chuyển nhượng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo như Hợp đồng chuyển nhượng là có thật, nếu Hợp đồng chuyển nhượng là vô hiệu thì ông H là người có trách nhiệm trả lại 1.000.000.000 đồng cho bà L theo như nội dung hợp đồng và Giấy cam kết lập ngày 29/01/2022.

Bà L có yêu cầu phản tố: Yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Đức H và bên nhận chuyển nhượng bà Trần Thị Phương L vào ngày 29/01/2022 có số công chứng 00149, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, diện tích 84,2 m²; địa chỉ thửa đất: Tổ 20, khối E (P), phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là hợp pháp và có hiệu lực thi hành; buộc ông Nguyễn Đức H thực hiện đúng nghĩa vụ được nêu tại hợp đồng và bàn giao ngôi nhà và thửa đất trên cho bà Trần Thị Phương L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C - do ông Lê Huy A đại diện theo pháp luật trình bày:

Vào ngày 29/01/2022, bà Trần Thị Phương L và ông Nguyễn Đức H có đến Văn phòng C yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AN 655655 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 17/12/2008, số vào sổ cấp GCN số: H06676. Sau khi kiểm tra nhận thấy hồ sơ, chủ thể tham gia giao kết đủ điều kiện theo quy định thì Văn phòng tiến hành công chứng theo trình tự đối với hợp đồng chuyển nhượng. Ông H, bà L sau khi đọc lại toàn bộ nội dung của hợp đồng và được giải thích rõ về quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng nêu trên đã đồng ý với toàn bộ nội dung hợp đồng và ký, điểm chỉ vào hợp đồng chuyển nhượng. Nội dung giao kết, quyền và nghĩa vụ của các bên thể hiện đầy đủ tại Hợp đồng công chứng 00149, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng nhận trên cơ sở tự nguyện của các bên. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/01/2022 có số công chứng 00149, quyền số 01/2022 TP/CC- SCC/HĐGD là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H1 trình bày:

Quá trình thực hiện giao dịch, mượn sổ đỏ để vay ngân hàng như ông H trình bày là không đúng, ông H1 mượn tiền của những người khác để làm ăn trong thời gian ngắn và phải đảm bảo bằng tài sản, mượn sổ công chứng treo sổ lại, sau này ông H1 trả lại cho ông H. Ông H1 là người vay tiền bà L. Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào ngày 29/01/2022 có số công chứng 00149 có giá trị là 1.000.000.000 đồng, số tiền này ông H1 là người nhận tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà L1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mặc dù đứng tên ông H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng quá trình sinh sống bản thân bà L1 có cải tạo sửa chữa, hiện gia đình bà đang sinh sống, việc ông H1 lừa ông H ký hợp đồng chuyển nhượng là trái quy định pháp luật, gia đình bà không ai biết việc ông H1 dẫn ông H ra văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng, bản thân ông H không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà L. Do đó, bà L1 đồng ý với yêu cầu của ông H về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/01/2022 có số công chứng 00149, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Thu H2 trình bày:

Bà Tạ Thị Thu H2 và ông Nguyễn Đức H1 là vợ chồng, ông H1 cần vốn làm ăn nên có mượn của ông Nguyễn Đức H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà Trần Thị Phương L làm tin; việc ông H ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L thì bà H2 không biết; do đó ông H khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu thì bà H2 yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông H yêu cầu bà L trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có liên quan đến vợ chồng bà, vì bà H2 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà L làm tin để bà L cho ông H1 mượn tiền; vợ chồng bà có cam kết xin ông H cho thời hạn 10 năm làm ăn trả nợ để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Đối với yêu cầu

phản tố của bà L thì bà H2 không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hội An quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H đối với bị đơn về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào ngày 29/01/2022 có số công chứng 00149, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C là vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị Phương L có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 655665 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 17/12/2008, số vào sổ cấp GCN số: H06676 cho ông Nguyễn Đức H.

Các đương sự có quyền khởi kiện đối với giao dịch dân sự bị che giấu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc những người có lỗi hoàn trả những chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Phương L về việc công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Đức H và bên nhận chuyển nhượng bà Trần Thị Phương L vào ngày 29/01/2022 có số công chứng 00149, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, diện tích 84,2 m²; địa chỉ thửa đất: Tổ 20, khối E (P), phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, buộc ông Nguyễn Đức H thực hiện đúng nghĩa vụ được nêu tại hợp đồng, bàn giao ngôi nhà và thửa đất trên cho bà Trần Thị Phương L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/3/2023, bị đơn bà Trần Thị Phương L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2023/DS-PT ngày 28/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Phương L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 43/QĐ-VKS-DS ngày 08/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng: Hủy Bản án phúc thẩm số 113/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Hội An để xét xử sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/01/2022 thể hiện nội dung: Ông Nguyễn Đức H chuyển nhượng cho bà Trần Thị Phương L thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, diện tích 84,2m² tọa lạc tại tổ B, khối E (P), phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cùng với tài sản gắn liền là ngôi nhà có diện tích 43m² với giá là 01 tỷ đồng. Cùng ngày 29/01/2022, ông H, bà L và ông Nguyễn Đức H1 lập Giấy cam kết với nội dung: Ông Nguyễn Đức H1 là người làm chứng, chịu trách nhiệm mượn tiền và trả số tiền 01 tỷ đồng, ông H1 đã nhận đủ số tiền nêu trên. Mặc dù, bà L không có chữ ký trong Giấy cam kết nhưng thừa nhận cùng với ông H và ông H1 lập Giấy cam kết trên. Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng T cung cấp: Trong ngày 29/01/2022, bà L chuyển khoản cho ông H1 03 lần. Đến ngày 16/4/2022, ông H1 và ông H có lập Giấy mượn sổ đỏ thể hiện nội dung: Trong thời hạn 10 năm ông H1 sẽ góp đủ tiền để lấy lại sổ đỏ cho vợ chồng ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng do ông H1 (là cháu ông H) cần tiền làm ăn nên mượn sổ đỏ của ông H làm tin để vay tiền chứ không phải Ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L. Lời khai này phù hợp với lời khai của ông H1 thừa nhận mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H làm tài sản đảm bảo để vay bà L 01 tỷ đồng vì lần trước có đến vay tiền bà L nhưng không có tài sản đảm bảo nên bà L không cho ông H1 vay. Một lần nữa ông H1 cũng xác định mình là người nhận tiền và chịu trách nhiệm trả tiền cho bà L.

Vì vậy, có cơ sở để xác định việc ông H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với mục đích để bà L cho ông H1 vay số tiền 01 tỷ đồng. Thực tế bà L đã chuyển đủ số tiền trên cho ông H1 và ông H1 cũng thừa nhận mình là người vay tiền của bà L và chịu trách nhiệm trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông H với bà L, số công chứng 00149, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu do giả tạo theo quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

[2]. Theo các nội dung đã phân tích thì giao dịch dân sự bị che giấu là giao dịch vay tiền giữa ông H1 với bà L, không phải giữa ông H với bà L. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà L xác định số tiền 01 tỷ đồng là thanh toán giá trị hợp đồng chuyển nhượng, không phát sinh quan hệ vay tiền nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết đối với giao dịch bị che giấu là phù hợp quy định pháp luật. Hơn nữa, Tòa án cấp phúc thẩm còn dành quyền khởi kiện cho các bên khi có tranh chấp đối với giao dịch dân sự bị che giấu.

[3]. Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vô hiệu và đã giải thích cho các bên về việc giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng các bên không yêu cầu giải quyết. Bản chất của số tiền 01 tỷ đồng ghi trong Hợp đồng chuyển nhượng là của bà L cho ông H1 vay, không phải là giá trị thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng. Thực tế ông H không nhận 01 tỷ đồng mà là ông Hoàng nhận, phía bà L cũng thừa nhận số tiền lãi 60.000.000 đồng là do ông H1 trả lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không buộc ông H phải trả cho bà L số tiền 01 tỷ đồng là đúng.

[4]. Nguồn gốc của quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 655665, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00676 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/12/2008 là do ông H được nhận tặng cho từ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B vào ngày 13/12/2013 (Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh biến động người sử dụng đất sang ông H cùng ngày). Hiện nay vợ chồng ông H cùng các con, cháu đang sinh sống trong ngôi nhà gắn liền với thửa đất nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H nên Tòa án buộc bà L phải trả lại cho ông H là có căn cứ.

[5]. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/01/2022 vô hiệu; Buộc bà L trả lại cho ông H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bà L là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 43/QĐ-VKS-DS ngày 08/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2023/DS-PT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục có hiệu lực thi hành.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ PC và Quản lý khoa học - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- TAND TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM; Phòng Lưu trữ và hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường